

Sau khi dẹp yên giặc Minh vua ban bố Đại Cáo khắp thiên hạ, toàn văn bài Đại Cáo như sau (Bài này do Nguyễn Trãi soạn)

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo
Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Tư Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có.

Vì vậy :

Lưu Cung tham công nên thất bại,
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã
Việc xưa xem xét
Chứng cứ còn ghi

2. Vừa rồi :

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà
Để trong nước lòng dân oán hận
Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế
Gây binh, kết oán, trải hai mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi
Người bị ép xuống biển, dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thường
luồng
Kẻ bị đem vào núi, đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ, chốn chốn lưới chăng
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán.
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa ?

Nặng nề những nỗi phu phen
Tan tác cả nghề canh cấy
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội
Dơ bẩn thay, nước Nam Hải không rửa sạch mùi !
Lẽ nào trời đất dung tha
Ai bảo thần dân chịu được

3. Ta đây :

Núi Lam Sơn đầy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngẫm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời
Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ
Những trần trọc trong cơn mộng mị,
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi,
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì :

Tuần kiệt như sao buổi sớm
Nhân tài như lá mùa thu
Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần
Nơi duy ác hiểm người bàn bạc
Tấm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông
Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả.

Thế mà :

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nghìn chốn bể khơi
Tự ta, ta phải dốc lòng vùi vãi hơn cứu người chết đuối.
Phần vì giận quân thù ngang dọc
Phần vì lo vận nước khó khăn,
Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
Khi Khôi Huyện, quân không một đội
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn
Ta gắng chí khắc phục gian nan
Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào
Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh

Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trọn hay :

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo
Trận Bồ Đằng, sấm vang chớp giạt,
Miền Trà Lân, trúc chẻ tro bay
Sĩ khí đã hăng
Quân thanh càng mạnh
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Lý An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân
Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại
Tuyển binh, tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về,
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm
Tuy Động, thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
Phúc tâm luân giặc : Trần Hiệp đã phải bêu đầu.
Mọt gian kẻ thù : Lý Lượng cũng đành bỏ mạng
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy
Mã Anh cứu trận đánh, mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công
Tưởng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ.
Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan,
Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế :

Thằng nhãi con Tuyên Đức, động binh không ngừng
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy,
Đinh Mùi tháng chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại.
Năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.
Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong,
Ta sau lại sai tướng chặn đường, tuyệt nguồn lương thực.
Ngày mười tám, trận Chi Lăng Liễu Thăng thất thế,
Ngày hai mươi, trận Mã Yên Liễu Thăng cụt đầu.
Ngày hăm nhăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn
Thuận đà ta đưa mũi dao tung phá
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau
Lại thêm quân bốn mặt vây thành
Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc,
Sĩ tốt kén người hùng hổ,

Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh,
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn,
Đánh một trận, sạch không kình ngạc
Đánh hai trận, tan tác chim muông.
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hồng, sụt toang đê vỡ.
Đô đốc Thôi Tụ lê gối dằng tở tạ tội.
Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.
Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đường,
Xương Giang, Bình Than máu trôi đỏ nước.
Ghê gớm thay ! Sắc phong vân phải đổi,
Ăm đạ thay ! Anh nhật nguyệt phải mờ.
Bị ta chặn ở Lê Hoa, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật !
Nghe Thăng thua ở Cần Trạm, quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để
thoát thân.

Suối Lãnh Câu, máu chảy trôi chày, nước sông nghẹn ngào tiếng khóc.
Thành Đan Xá, thây chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng,
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng.
Thần vũ chẳng giết hại, thề lòng trời, ta mở đường hiếu sinh
Mã Kỳ, Phương Chính cấp cho năm trăm chiến thuyền
ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc.
Vương Thông, Mã Anh phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước mà vẫn tim đập chân run !
Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng.
Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức,
Chẳng những mưu kế kỳ diệu
Cũng là chưa thấy xưa nay.

4. Xã tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Kiền khôn bĩ mà lại thái
Nhật nguyệt hối mà lại minh
Ngàn thu vết nhục nhã sạch lâu
Muôn thuở nền thái bình vững chắc.
Au cũng nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng, ngầm giúp đỡ mới được như vậy.
Than ôi !
Một cổ nhưng chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm,
Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn.

Xa gần bá cáo
Ai nấy đều hay.

(Bản Đại Cáo (Bình Ngô Đại Cáo) này do văn thần Nguyễn Trãi soạn)

Vua Minh đã liệu trước, bọn Vương Thông cùng quần, việc đã đến thế, không làm thế nào được nữa, đành sai bọn La nữ Kính mang thư sang phong Trần Cảo làm An Nam Quốc Vương, bãi bỏ quân nam chinh, ra lệnh cho Thông trở về Bắc, trả lại đất cho An Nam, việc triều cống theo lại lệ cũ năm Hồng Vũ, cho sứ thần đi lại

Năm Mậu Thân (1428) mùa xuân tháng giêng, quân Minh đã về nước, Lê Lợi bèn thân cả nước, lấy năm này làm năm đại định

Ngày 10 tháng giêng Trần Cảo uống thuốc độc chết (chuyện Trần Cảo bị Lê Lợi giết hay tự tử thì có nhiều giả thuyết)

Tháng 2 định các mức khen thưởng cho những hỏa thủ và quân nhân của quân Thiết đột có công siêng năng khó nhọc ở Lũng Nhai gồm 121 người

Tháng 4 Lê Lợi từ điện tranh ở Bồ Đề vào đóng ở thành Đông kinh

Năm Mậu Thân (1428) ngày 15 tháng 4, vua lên ngôi ở Đông Kinh, đại xá, đổi niên hiệu Thuận Thiên, dựng quốc hiệu Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh (Thăng Long) (Đông Đô : Thăng Long còn Tây Đô : Thanh Hóa).

Xướng chiếu tha thuế, chiêu hiền, sửa sang chính sự, thưởng phạt công minh, kê khai tài sản v.v...

Tháng 11.1428 cho làm sổ đất, sổ hộ tịch, ra lệnh chỉ đặt xã quan ở các xã lớn từ 100 người trở lên, ra lệnh cho các quan viên quân dân cả nước hạn đến tháng 5/1429 đến Thăng Long để quan văn thì hỏi kinh sử, quan võ hỏi về binh pháp ai tinh thông sẽ bổ làm quan.

Tháng 7.1429 ra lệnh cho các quan đại thần, văn võ trong ngoài họp bàn về qui chế đồng tiền. Tờ chiếu viết : "Tiền là mạch máu của sinh dân, không thể không có, nước ta vốn có mỏ đồng, nhưng đồng tiền cũ đã bị nhà Hồ hủy bỏ, trăm phần chỉ còn được một. Đến nay, việc quân việc nước thường hay bị thiếu. Muốn cho tiền được lưu thông sử dụng, để thuận lòng dân há chẳng khó sao ? Mới rồi có người dâng thư trình bày xin lấy tiền giấy thay cho tiền thực, Trẫm sớm khuya nghĩ ngợi chưa nghĩ ra cách gì ? Vì rằng tiền giấy là thứ vô dụng lại được lưu hành như vật hữu dụng trong dân, thực không phải là ý nghĩa yên dân, dùng của. Những đời xưa người ta cho rằng vàng bạc, da lụa, tiền thực, tiền giấy đều không thể cân ngang nhau được, thế thì thứ gì là hơn. Truyền cho các đại thần, trăm quan và những người hiểu biết việc đời ở trong, ở ngoài đều nghị bàn quy chế đồng tiền cho thuận lòng dân để không vì ưa thích riêng của một người mà bắt ép muôn người không muốn phải theo, để làm phép hay của một đời. Nên bàn định sớm rồi tâu lên, Trẫm sẽ tự chọn lấy mà cho thi hành".

Ngày 24.11.1428, giết bọn phản nghịch tên Phong, Nhữ Hốt trong khi giặc rút về, vua đã tha tội nhưng bọn này lại âm mưu kết bè đảng ngầm sai người đi đường tắt xui quân Minh gây sự và sẽ làm nội ứng. Người đưa thư bị bắt, vua giết người đưa thư

và giấu chuyện ấy đi. Đến tháng 8 lại có một trong mấy đứa phản nghịch cáo giác việc giống y như vậy vua mới hạ chiếu giết hết cả bọn

Tháng 2.1429, công thần Trần Nguyên Hãn khi ấy đã về trí sĩ ở quê nhà, bị triều đình bắt tội, Trần Nguyên Hãn uất hận tự tử.

Tháng 11.1430, giết công thần là thái úy Phạm Văn Xảo, tịch thu gia sản vì nghe lời bọn Lê Quốc Khí, Trình Hoàn Bá khuyên thái tổ giết đi.

Ngày 6. 12. 1431, sai làm sách Lam Sơn Thực Lục do vua tự làm bài tựa, ký tên là Lam Sơn động chủ.

Tháng 12.1428, cho xây cung Vạn Thọ, chế tác chiến khí, thuyền bè, đúc tiền Thuận Thiên thông bảo, cứ 50 đồng là 1 tiền.

Vua từng nói : Nếu các điều lệnh của trăm có điều gì bất tiện cho việc quân, việc nước, hoặc các việc sai dịch không hợp lý, hoặc thuế khóa nặng nề hoặc có việc tà dâm bạo ngược thì tâu xin sửa lại. Trẫm nghĩ : "muốn thịnh trị phải được người hiền tài, muốn được người hiền tài phải cần tiến cử cho nên người đứng đầu thiên hạ phải lo việc ấy trước tiên người không được ai tiến cử hoặc vì thù hận, hoặc vì đê nén, vùi dập thì đến ngay chỗ Thiếu phó Lê Văn Linh mà tự tiến. Nếu xét có thực tài thì sử dụng.

Ngày 22.8.1432, Lê Lợi băng hà.

LÊ THÁI TÔNG (1433-1442)

Tên húy là Nguyên Long, con thứ của Thái Tổ, ở ngôi 7 năm, băng khi đi tuần ở miền Đông, thọ 20 tuổi táng ở Hựu lăng. Vua thiên tư sáng suốt, nối vận thái bình; bên trong ức chế quyền thần, bên ngoài đánh dẹp Di Địch. Trọng đạo, sùng Nho, mở khoa thi chọn hiền; xử tù xét án phần nhiều tha thứ khoan hồng. Cũng là bậc vua tài giỏi biết nối giữ cơ đồ. Song đam mê tử sắc đến nỗi thành linh băng ở bên ngoài, cũng là tự mình chuốc lấy tai họa.

Ngày 8.9.1432, thái tử Nguyên Long nối ngôi. Lúc đó Nguyên Long mới 11 tuổi, hiệu là Lê Thái Tông, niên hiệu Thiệu Bình.

Vua thiên tư sáng suốt, nối vận thái bình, bên trong ức chế quyền thần, bên ngoài đánh dẹp Di Địch, trọng đạo sùng nho, mở khoa thi chọn hiền sĩ, xử tù, xét án thứ khoan hồng song đam mê tử sắc, quần quít vợ người đến nỗi phải đột tử ở nơi không phải nhà mình. âu đó cũng là tình yêu của tuổi trẻ mà lại làm vạ lây đến sinh mạng nhiều người.

Quyền chính nằm trong tay các quan đại thần Lê Sát, Lê Ngân, Lê Liệt, Lê Bôi.

Bãi chức hành khiển Lê Khắc Phục, giết chết Lê Nhân Chú, cho tay chân là Lê Quốc Trinh làm hành khiển, Lê Hữu Thừa làm thiết đột trung quân Lê E làm điện tiền đô.

Vua đang còn tuổi thiếu niên nên ham chơi.

Các ngôn quan dâng sớ : " Bệ hạ kế thừa cơ nghiệp có sẵn rồi nên lưu ý tự học thuật, năng tìm nhân tài để lo trị nước thành công. Nay đại thần tiến cử Thiếu bảo hữu bật vào hầu giảng sách, bệ hạ đứng dậy bỏ đi không nghe, thế là một điều không nên..."

Bấy giờ vua đã lớn (14 tuổi) xét đoán mọi việc đã sáng suốt mà Lê Sát vẫn tham quyền cố vị nên vua càng ghét Sát, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ vẻ bao dung. Sát không nhận ra điều đó.

Bèn bãi chức tước của đại tu đồ Lê Sát

Vào tháng 6.năm Đinh Tỵ (1437) cho Lê Sát được tự tử ở nhà, vợ con và điền sản bị tịch thu.

Giáng con gái Lê Sát lúc đó là Ngọc Dao vợ của vua làm thứ dân, lấy con gái Lê Ngân làm Chiêu Nghi Lê Nhật Lệ làm Huệ Phi.

Tháng giêng (năm Canh Thân 1440) vua đích thân đánh tên phản nghịch Hà Tông Lai ở huyện Thu Vật.

Tháng 3 năm 1441 lại đánh tiếp, bắt được tướng Ai Lao là Đạo Mộng.

Tháng 11 năm đó lập Hoàng tử Bang Cơ mới 1 tuổi làm Hoàng thái tử, phế Nghi Dân làm Lạng Sơn Vương, giáng Dương Thị Bí mẹ của Nghi Dân làm thứ dân.

Năm vua Thái Tông 16 tuổi thì có 4 con là Nghi Dân, Bang Cơ, Khắc Xương và Tư Thành.

Phế lập hoàng hậu liên tục.

Nguyễn thị Lộ là thiếp của Nguyễn Trãi. Lúc đó bà quen Nguyễn Trãi lúc bà mới 16 tuổi. Nguyễn Trãi hơn Thị Lộ khoảng 20 – 25 tuổi và Thị Lộ hơn vua Thái Tông khoảng 15 tuổi, Thị Lộ đã được gọi vào cung và phong làm Lê Nghi Học Sĩ, có lẽ lúc đó Thị Lộ khoảng 28 - 30 tuổi còn Thái Tông mới lớn, khoảng 14 - 15 tuổi. Thị Lộ đã ảnh hưởng trên một vài quyết định của Thái Tông.

Tháng 8 năm Tân Dậu (1441) : Lệnh bắt giam hạng đàn bà ngỗ nghịch, đó là làm theo kế của Nguyễn Thị Lộ.

Lê Lễ suốt đời làm gia thân cho Thái tổ rất được tin dùng, sớm tối hầu không lúc nào rời bên cạnh, dốc lòng trung tín, có sức hơn người, khi Thái tổ khởi nghĩa vợ cả vợ lẽ mà vua phá vòng vây thoát khỏi nguy hiểm phần nhiều là công của Lễ. Thái Tổ nói : "Nếu dồn mọi công lao, thì ngôi tể tướng chẳng người còn ai ? Trẫm có tiếc gì với người...". Khi sắp băng khóc bảo Lễ rằng : Nếu Trẫm không còn thì còn ai biết khanh nữa, sợ từ đây về sau bị giáng truất thôi". Sau bị Thị Lộ gièm, phải giáng làm Thái tử Thiếu bảo.

Mùa thu, tháng 7 năm Nhân Tuất 1442 Hoàng tử Tư Thành sinh.

Ngày 27 vua đi tuần về miền Đông, duyệt quân ở Chí Linh, Nguyễn Trãi mời vua ngự của Côn Sơn ở hương của Trãi.

Vua đi thuyền từ bến Đông vào sông Thiên Đức, qua mộ Bạch Sư ở cầu Bông, xã Đại Toán huyện Quế Dương thì thuyền ngự không đi lên được các quân hết sức kéo

dây cũng không nhúc nhích hình như có người giữ lại vua bèn sai trung sứ đi hỏi khắp những người già cả xưa ấy xem chỗ này có vị thần nào.

Các cụ già bảo : Ngày xưa, có người tên là Sư Bạch, khi còn sống rất tinh thông pháp thuật. Sau khi mất, chôn ở ven sông thường hiển linh, người xứ này vẫn tế thần long trọng

Lão trung sứ hỏi tế bằng thứ gì :

Người già nói tế bằng nghé.

Trung sứ đem việc ấy về tâu, vua sai đem nghé non tế thần, bấy giờ thuyền ngự mới đi được.

Ngày 4 tháng 8 vua về đến vườn Vải huyện Gia Định bỗng bị bạo bệnh rồi băng.

Trước đây, vua thích vợ của thừa chỉ Nguyễn Trãi là Thị Lộ, người rất đẹp, văn chương rất hay, gọi vào cung phong làm lễ nghi học sĩ ngày đêm hầu bên cạnh.

Đến khi đi tuần miền đông, xa giá về tới vườn Vải, xã Đại Lại ven sông Thiên Đức, vua thức suốt đêm với Thị Lộ rồi băng,

Các quan bí mật đưa về.

Ngày mồng 6 về tới kinh, nửa đêm đem vào cung rồi mới phát tang. Mọi người đều nói Thị Lộ giết vua.

Ngày 16, giết hành khiển Nguyễn Trãi và vợ là Nguyễn Thị Lộ bi bắt tội đền ba họ. Trước đây, Thị Lộ ra vào cung cấm, Thái Tông thấy rất ưa, liên cột nhà với Thi, đến đây vua đi tuần về miền đông, đến chơi nhà Trãi rồi bị bạo bệnh mà mất cho nên Trãi bị tội ấy.

Ngày 9 tháng 9 giết các hoạn quan là Đinh Phúc và Đinh Thắng vì khi Nguyễn Trãi sắp bị hành hình có nói là hối hận không nghe lời của Thắng và Phúc

LÊ NHÂN TÔNG (1442-1459)

Tên húy là Bang Cơ, con thứ ba của Thái Tông, mẹ là Tuyên Từ Hoàng thái hậu Nguyễn thị, tên húy là Anh, người làng Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa. Vua sinh năm Tân Dậu, Đại Bảo năm thứ hai (1441) tháng 6 ngày Giáp Tuất mồng 9. Năm thứ 3 (1442) ngày 6 tháng 6 được lập hoàng thái tử, đến tháng 8 ngày 12 thì lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Hoà, lấy ngày sinh làm Hiến Thiên thánh tiết. Ở ngôi 17 năm, thọ 19 tuổi táng ở Mục Lăng. Vua ở tuổi thơ ấu đã có thiên tư sáng suốt, vẻ người tuấn tú đàng hoàng, dáng điệu nghiêm trang, sùng đạo Nho, nghe can gián, thương người làm ruộng, yêu nuôi muôn dân, thực là bậc vua giỏi biết hiữ cơ đồ, không may bị cướp ngôi giết hại. Thương thay !

Mẹ là Tuyên Từ Hoàng hậu, Nguyễn Thị Anh. Vua lên ngôi lúc mới ba tuổi nên thái hậu buông rèm coi chính sự nắm quyền quyết đoán việc nước với các tay chân như Trịnh Khắc Phục, Lê Khả, Lê Thụ

Năm Quý Hợi (1443) tháng 11 nhà Minh sai Chánh sứ là Quang lộc tự thiếu khanh Tống Kiệt sang phong cho vua làm An Nam Quốc Vương

Tháng 7-Giáp Tý (1444) bắt giam thái phó Lê Liệt.

Mùa hạ năm 1445 Chiêm Thành vào cướp thành An Dung ở Thuận Hóa

Mùa hạ năm 1446 Lê Thụ đánh Chiêm Thành, tấn công thành Chà Bàn, bắt chúa Chiêm Thành là Bí Cai, phi tần, bộ thuộc ngựa voi đem về Đại Việt

Năm 1448 giết Đàm Thảo Lư vì Thái Úy Lê Khả có tư thù với Lư, bãi chức Bá Viễn vì Khả, Phục ghét Bá Viễn.

Năm 1448 Lê Khắc Phục, Mộng Tuân, Công Soạn, Lật và nhiều người khác nửa lấy tiền của nhà nước mua hàng phương Bắc chở nặng toan về nói thác là quan khâm sai nhà Minh lại có việc không đến hội kiến. Đái quan là bọn Hà Cập thì vào cánh với nhau không nói một câu, triệu đình cũng không ai hỏi đến tội đó.

Năm 1448 bắt các khảo quan phải uống máu ăn thề những thói tư túi thì không thể nào hết được. Khảo quan lại không thông hiểu văn tự, luật lệ, thơ phú nên người đương thời diễu là "Khảo quan ngu" nạn hối lộ tham trong từng chính quyền cũng như thi cử. Kết bè đảng thanh toán nhau làm cho xã hội càng ngày càng bất an.

Năm Tân Mùi (1451) vào tháng 7 ra lệnh giết thái úy Lê Khả và con là Lê Quát ; Trịnh Khắc Phục và con là Trịnh Bá Nha.

Năm Kỷ Ty, Tháng 8.(1449) Thái hậu viết chỉ dụ họp đại thần rằng :

" Từ khi quả nhân coi chính sự đến nay, thấy rõ lòng trung quân ái quốc của các đại thần đã hết sức phò tá giúp rập. Bên trong sửa xin trị nước, bên ngoài đánh dẹp Di địch, để giữ yên thiên hạ. Quả nhân sớm khuya suy nghĩ có cách nào báo đền công lao ấy. Nhưng vì tài hèn đức bạc, thẹn mình không giỏi bằng các thái hậu họ Mã, họ Đàng và bà Tuyên Nhân ngày xưa để làm trọn đạo ưu đãi đại thần. Nay sẽ sai triệu sĩ họp bàn những việc nên làm hiện nay, để thành khuôn phép hay của một đời. Cho không còn những tệ xấu nữa. Các Khanh hãy cùng nhau thể theo ý ấy để trọn đạo làm tôi, đừng để chỉ riêng các ông lão Quỳ, Tắc, Triết, Y, Phó Chư Thiên đời xưa ca ngợi mà thôi, như thế chẳng tốt đẹp biết bao..."

Năm Bính Dần (1446) mùa xuân tháng giêng đúng kỳ hội quân lớn cho người khỏe mạnh đi đánh Chiêm Thành. Mùa Hạ quân ta tiến công thành Chà Bàn phá tan quân giặc bắt được chúa nó là Bí Cai và các phi tần, bộ thuộc... Năm 1448 tại Tây Đạo Nguyễn Phú Tân rằng các trấn lộ Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Lương ở miền núi hẻo lánh ruộng đất sỏi đá xơ xác, lại thêm nhiều năm liền bị hạ hán sâu bọ dân chúng rất rối, xin lấy thóc công cho dân vay, may ra dân được hồi sinh.

Ngày 3.10 năm Kỷ Mão (1459) Nghi Dân đang đêm bắc thang, chia ba đường trèo thành vào cung cấp với sự đồng lõa của Lê Đắc Ninh chỉ huy cấm binh vào giết chết Nhân Tông và Tuyên từ Hoàng thái hậu.

LÊ NGHI DÂN (1459-1460)

Lạng Sơn vương Nghi Vương lên ngôi hoàng đế đổi niên hiệu là Thiên Hưng ban ân rộng rãi cho các quan văn võ trong ngoài đồng thời sai sứ sang cầu phong.

Ngày 6 tháng 6 năm Thìn (1460) sau buổi chiều mọi người đều ngồi ở nghị sự đường ngoài ở cửa Sùng. Nguyễn Xí, Đinh Liệt, Lê Lăng, Lê Niên, Lê Yên... cùng nhau giết hai tên phải nghịch đầu sỏ là Phan Bang, Phan Dồn trước Nghị sự đường, rồi sai đóng các cửa thành giết hết bè đảng phản nghịch là Trần Lăng hơn trăm tên. đón Tư Thành lên ngôi hoàng đế, quyết định giáng Nghi Dân làm Lê Đức Hậu,

LÊ THÁNH TÔNG (1460-1497)

Tên húy là Tư Thành, con thứ 4 của Thái Tông, ở ngôi 38 năm thọ 56 tuổi. băng tán ở Chiêu Lăng

Vua sáng lập chế độ văn vật khả quan mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng thực là bậc vua anh hùng tài lược, tuy nhiên có hơi tự phụ về vấn đề văn học, tình nghĩa anh em thiếu hẳn lòng nhân ái.

Lên ngôi vua xong đổi niên hiệu là Quang Thuận, làm lễ phát tang cho Nhân Tông và thái hậu, tuyên dương Đào Biểu đã chết vì bảo vệ Nhân Tông, giết Đắc Ninh vì tội phản nghịch.

Năm 1460 sai Lê Liệt dẫn quân đi đánh họ Chăm ở Bồn Man. Sai Nguyễn Bá Kỳ dựng bia ở Mục Lăng ghi công Nhân Tông, chỉnh đốn lại quân ngũ, làm lại sổ hộ tịch răn đe Đô Ngự sử đài là Ngô Sĩ Liên và Nghiêm Nhân Thọ vì tội quan thân bán nước vì đã theo Nghi Dân

Mùa hạ tháng 4.Nhâm Ngọ (1462) định lệ cam kết trong thi Hương : "Kẻ nào vào loại bất hiếu bất mục, bất nghĩa loạn luân diên tọa thì dẫu học giỏi cũng không cho thi".

Thí sinh phải nộp căn cước

Phép thi Hương dùng thi ám tả đề loại bớt

Ra sắc chỉ cho cả nước rằng : Các quan viên văn võ làm việc đến 65 tuổi được nghỉ việc, 60 tuổi có thể xin trí sĩ.

Đinh rằng các bản tâu đề thì chính viên quan nha môn ấy phải ký tên không được nhờ lại dịch ký tên hộ.

Tháng 3 năm Ất Dậu (1465) đặt sáu viện, lấy quân lính thân tín đưa vào làm quân tả hữu Vũ Lâm.

Năm sau 1466 bắt đầu đặt năm phủ (Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc), đổi sáu viện thành sáu tự, đổi khâm hình viện thành hình bộ, đều đặt chức thượng thư ở các bộ.

Phép thi Hương trước hết thi ám tả để loại bớt. Đề mục thi : kỳ thứ nhất thi tứ thư gồm 5 bài. Kỳ thứ hai : thi chiếu, chế, biểu dùng thể cổ văn hay tứ lục, kỳ thứ ba : thi thơ đường luật, phú dùng cổ thơ hay Ly Tao, văn tuyển 300 chữ trở lên, kỳ thứ tư thì một bài văn sách hỏi về kinh, sử hay việc đương thời hạn 1000 chữ.

Năm 1463 thì đặt ra 3 năm có 1 kỳ thi hội.

Tháng 5.Nhâm Ngọ (1462) ra sắc chỉ cho các quan : tan buổi chiều đến giờ mùi phải có mặt ở nha môn để làm việc. Vắng mặt đuổi việc.

Năm 1463, tổ chức thi Hội cho các sĩ nhân trong nước. Bấy giờ có 4400 người, lấy đỗ 44 người tỷ lệ 1%. Lương Thế Vinh đỗ Trạng, ngày 22 truyền loa xướng danh các tiến sĩ, ban ân mệnh cho từng người, sai các quan lễ bộ đem bảng vàng treo ngoài cửa Đông Hoa. Bắt đầu định lại lệ thi Hội, cứ 3 năm thi hội lại một lần.

Năm Giáp Thân (1464) tháng 2, vua ngự về Tây kinh bái yết Sơn Lăng, tháng 7 giải oan cho Nguyễn Trãi, truy phong chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, bổ cho con trai Nguyễn Trãi là Anh Vũ đã đỗ hương cống, chức đồng tri châu cấp cho 100 mẫu ruộng để làm tự điền.

Tháng 2 năm Đinh Hợi (1467), vua ra lệnh tìm kiếm những di cảo thơ văn của Nguyễn Trãi.

Tháng 5. Đinh Hợi (1467) ra sắc chỉ rằng : từ nay về sau người nhận chức ở tại nơi biên giới xa phải đủ 9 năm mới được đổi về các huyện ở dưới kinh. Các quan chuyển đổi đi nơi khác không được dỡ lấy đồ dùng nơi công sở.

Tháng 6. Đinh Hợi (1467), vua ra lệnh cho 12 thừa tuyên điều tra về hình thế sông núi, sự tích xưa nay của các hạt, vẽ thành bản đồ ghi chú rõ ràng rồi gửi về Bộ Hộ để làm bản đồ địa lý.

Tháng 4 năm Canh Tuất (1490), xác định bản đồ toàn quốc gồm 13 xứ thừa tuyên, 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 6851 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 60 nguồn, 30 trường.

Tháng 8.1467, định biên chế quân ngũ : mỗi vệ có 5 sở, 20 đội.

Tháng 5.1466 đang mùa làm ruộng, những quân nhân ứng dịch ở thường ban thì cho ở lại túc trực làm các việc giữ cửa, coi nhà, canh điền, lợp nhà, cắt cỏ, nuôi voi.

Còn các quân ở sảnh viện và những thợ ở Cục Bách Tác thì giữ lại một nửa làm việc, nửa kia cho về làm ruộng vườn.

Tháng 2 Đinh Hợi (1467), sai hành tổng binh là Khuất Đã đem quân đi đánh Ai Lao, đến sách Câu Lộng ở Mã Giang, đóng quân nửa tháng, Khuất Đã sai người lấy lễ họa phúc lợi hại dụ bao Đạo Đông là tướng giặc ra hàng,

Tiểu trừ giặc cỏ ở Mang Nhung,

Triệu thái sư Đinh Liệt, Nguyễn Lỗi, Lê Niêm, Nguyễn Đức Trung đánh giặc cỏ ở trấn An Bang.

Năm Mậu Tuất (1478) tháng 12 quy định các lễ hôn nhân và giá thú : Lấy vợ trước hết phải nhờ mối lái đi lại bàn định, rồi sau mới định các lễ Cầu Thân, lễ Dẫn Cưới, lễ Đón Dâu. Ngày hôm sau con dâu chào cha mẹ chồng, ngày thứ ba đến lễ nhà thờ . Không được như trước nhà trai đã dẫn lễ cưới rồi mà còn để 3, 4 năm sau mới cho đón dâu.

Năm Giáp Thìn (1448) tháng 3 vua ra lệnh cấm phá thai như sau :

Trước đây có lệnh cấm rằng : " Loại đàn bà tàn nhẫn, vì muốn ít con cái để giữ lấy nhiều của, hoặc ngại việc sinh đẻ, muốn tránh khó nhọc, thấy mình có thai, dùng kế cho sẩy thai, thương tổn tính mệnh, làm hại luân thường, cùng là những kẻ phá thai cho người khác, đều phải tra xét, trị tội theo pháp luật.. "

Vua Lê Thánh Tông có tài văn chương lưu loát, điển tích dồi dào nên hễ cứ viết dụ, sắc, chỉ, cho các quan thì lời văn chải chuốt hoa mỹ, dẫn các điển cố rồi mới kết luận.

Thử xem một sắc chỉ của vua cho Hình bộ tả thi lang Nguyễn Mâu rằng : "người chăm lo việc nước, điều gì hay thì quy về cho vua, không kém gì Như Hối, Huyền Linh, đến như Đái Trụ xử việc phức tạp khó khăn, Ngoạn Bâu tâu bày rõ ràng tường tận, so với hai người đó cũng khá hơn một chút. Làm bày tôi như vậy thực đáng khen ngợi lắm, nên ban cho bạc lạng. Khi nào bạc lạng đến nơi người càng thêm mài dũa thêm lòng son vốn có, mong cho ta tới cõi lành trị. Ta có lỗi lầm gì hãy thẳng thắn chỉ ra, hãy cứng cỏi như Đông Tuyên, chớ như Tô Uy quen thói giấu giếm"

Các chỉ dụ của Thái Tông đại khái lời lẽ như vậy trong suốt 37 năm cai trị, sự đơn điệu đó đã được Nguyễn Bá Kỳ khuyên vua và cho rằng vua làm văn không chú ý kinh sử.

Vua dụ lại rằng : "Trẫm vừa xem hết tờ số, người bảo trẫm là không chú ý đến kinh sử, lại chuộng lối học phù hoa vô dụng, chỉ ngụ ý ở ngoài mây khói. Nếu ta ưa chuộng văn hoa không lấy gốc kinh sử thì còn sách nào nữa ?

Vua lập ra hội Tao Đàn gồm có 28 nhà thơ đương thời, đại đa số là các quan lại dưới quyền. Vua làm thơ khẩu khí, tự ví mình hơn Đỗ Phủ, Lý Bạch, thường làm bài xướng còn các quan thì làm các bài họa.

Vua sai Ngô Sĩ Liên làm tiếp bộ Đại Biệt Sử Ký Toàn Thư mà trước đó Phan Phu Tiên đã làm từ năm 1455, bộ này có 15 quyển làm xong tháng giêng năm Kỷ Hợi (1479). Đó là một bộ sử cải biên lại từ Đại Việt Sử Ký của Lê Văn Hưu đời Trần.

Sắc dụ cho Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, ngự sử đài Quách Đình Bảo, đồng các Đỗ Nhuận, hàn lâm viện Đào CỬ và Đàm Văn Lễ biên soạn các sách "Thiên Nam dư hạ tập" và "Thân Chính Ký sự" Vua đề vào bài tựa "Thiên nam dư hạ tập" của Đại học sĩ Thân Nhân Trung rằng :

Hỏa thử thiên đoan bố
Băng tâm ngũ sắc ty
Cánh cầu vô địch thủ
Tài tác cổn long y

(Vải dệt lông chuột lửa, lụa năm *sắc tâm* băng lại tìm tay vô địch, cát may áo cổn rồng)

"Thiên Nam Dư hạ tập" : là một bộ sách gồm 100 quyển, ghi chép đủ các chế độ, luật lệ, điều lệ, các sắc của cả một thời, bộ luật Hồng Đức là một phần trong tập sách này. Sau đời Lê Trung Hưng bộ sách này bị tan tác mười phân chỉ còn lại một.

"Thân Chính ký sự" là chép về thân chinh đánh giặc của Lê Thánh Tông khi đánh Ai Lao.

Ngày 27 tháng 11 năm 1496 Lê Thánh Tông nói với Thân Nhân Trung và Đào CỬ : "Mây bay giữa trời, trăng treo lơ lửng, mây đến thì trăng mờ, mây đi thì trăng sáng, ai mà chẳng thấy, nhưng rất ít người diễn tả được. Ta ngẩng nhìn trời cao cảm hứng, rung động trong lòng thể hiện bằng ngôn từ trong đó có câu :

Tố thiền hạo hạo ngọc bàn thanh.

Vân lộng hàn quang ám phục minh

(Vầng thiền vầng vặc như mâm ngọc, mây giỡn hào quang sáng lại mờ)

Người thường có thể diễn tả được như thế. Bài thơ của Âu Dương Tu có câu "Lư Sơn ca danh tiết" thì Tử Mỹ (Đỗ Phủ) cũng không làm nổi, duy có ta làm được có phải nghi đâu. Dù Lý (Lý Bạch) Đỗ (Đỗ Phủ) Âu (Âu Dương Tu), Tô (Tô Đông Pha) sống lại vị tất đã làm nổi, duy có ta làm được. Bài thơ « Cầm sắt" của Lý Thương Ẩn đời Đường viết :

Trang Sinh hiểu mộng mê hồ điệp

Thực đế xuân tâm thác đỗ Quyên

Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ

Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên

thực là kỳ lạ, tươi đẹp, thực là tinh tế, có thể so sánh với thơ ta, nhưng tươi đẹp sáng và trong trẻo, thì không bằng câu thơ ta, có phải ta chơi chữ lạ để cho là hay, khoe một chữ khéo để cho là đẹp đâu? Chỉ nói thật, nói thẳng như Âu Dương Tu thôi, các người bảo thế nào ? « Không biết hai vị quan kia đó trả lời ra sao ? Hay chỉ tung hô, "

Thực sự thì thơ của Lê Thánh Tông chỉ thuộc vào loại trung bình mà thôi, có lẽ vua hơi khoái lạc và chỉ có Nguyễn Bá Kỳ là người nhận xét vua rõ nhất.

Vào cuối đời, Lê Thánh Tông sáng tác tập thơ ngự chế "Quỳnh Uyển Cửu ca" nghĩa là chín khúc ca trong vườn quỳnh. đề tài là : được mùa, đạo làm vua, tiết tháo của người làm tôi, văn nhân, mai hoa.... Tập "Cổ kim bách vịnh thi", "Xuân vân thi tập" (1496) "Cổ kim cung từ thi tính tự"; "Anh hoa hiếu trị thi tập" 1468.

Về ngoại giao, dưới thời Lê Thánh Tông giữ hòa hiếu với nhà Minh, triều cống đều đặn. Các sứ thần của nhà Minh qua Đại Việt được tiếp đãi nồng hậu có khi vua còn ban cho cả thơ văn và cùng nhau xướng họa; các sứ giá Đại Việt thì có tài ứng đối.

Trong yên dân, ngoài các nước lân bang phục tùng, có khi đem quân đánh dẹp ở các vùng biên giới phía Bắc như Nhã Lan, Bồn Man, Sơn Man... Ai Lao.

Năm 1471, vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành, trước khi tiến chiếm thành Chà Bàn vua soạn "Bình Chiêm Sách" ban cho các doanh - "Bình chiêm sách" có 10 lễ tất tháng, có 3 việc đáng lo, vua sợ các tướng sĩ chưa hiểu sai chỉ huy Nguyễn Thế Mỹ dịch ra quốc ngữ để nhắc lại, cuối tháng 2 thì đánh và bắt được chúa Chiêm Thành là Trà Toàn.

Lê Thánh Tông là một người con rất có hiếu. Tháng 2 năm 1496 Hoàng thái hậu đau, vua cùng hoàng thái tử ngày đêm chăm sóc không lúc nào rời, khi dâng thuốc hay đồ ăn uống vua nhất định tự mình nếm thử. Khi mẹ chết, mọi việc mặc áo, khâu liệm, bỏ gạo vào miệng người chết vua đều tự làm lấy.

Vua xứng đáng là bậc anh minh nhưng tiếc rằng vua có quá nhiều phi tần nên mắc bệnh nặng, vợ vua là Trường Lạc hoàng hậu bị giam ở cung khác, đến khi vua ốm nặng mới được đến hầu bên cạnh, bèn ngậm giấu thuốc độc trong tay mà sờ vào chỗ lở, bệnh vua do vậy mà nặng thêm.

Vua sinh được mười bốn hoàng tử và 20 công chúa. Chọn trưởng tử là hoàng tử Tranh lên nối ngôi.

Ngày Nhâm Tý, 30 tháng giêng năm Đinh Ty, vua băng hà ở điện Bảo Quang, ngày hôm ấy gươm thần và ấn thần biến mất.

LÊ HIẾN TÔNG (1497-1504)

Tên húy là Sanh, lại húy là Huy, con trưởng của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, thọ 44 tuổi, táng ở Dụ Lăng.

Vua thiên tư anh minh, thông duệ, giữ vững thịnh trị, thái bình, mới trong khoảng 7 năm mà thiên hạ bình yên, xứng đáng là bậc vua giỏi giữ cơ đồ, thế mà ở ngôi không lâu, đáng tiếc thay !

Thái tử Tranh còn gọi là Huy lên ngôi hiệu là Hiến Tông, lúc đó vua 37 tuổi, đã chứng chạc, thông hiểu kinh điển.

Mùa thu tháng 7 Mậu Ngọ (1498) sắc dụ cho các quan viên và dân chúng về thể đạo thịnh suy, quan hệ phong tục. Vua dẫn chúng ở Kinh dịch, Kinh Thư, Kinh Thi để bàn luận. Cũng năm đó trúng mùa lớn gạo thóc đầy đồng, vua chỉ dụ cho các tuyên sứ dạy cho dân dự trữ gạo thóc để khi cần.

Tháng 4 năm Kỷ Mùi (1499) thi Hội có 5.000 người dự thi, lấy đỗ 55 người. Vua ra điện Kính Thiên dự lễ xướng danh cho các tiến sĩ. Bộ Lễ đem bản vàng treo ngoài cửa Đông Hoa

Đỗ Lý Khiêm, Lương Đắc Bằng, Nguyễn Khắc Kiệm ba người đậu đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ.

Tháng 6, sắc cho Lai bộ thượng thư Toàn Cận rằng : Ý vào phép nước mà đục khoét là thói tệ của lại, thường xuyên sa thải là quy chế của quốc gia... theo đó mà tính giảm.

Tháng 8 xuống chiếu kể từ nay, trên từ thân vương dưới đến dân chúng đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ để cho phong tục được thuần hậu.

Tháng 10 : nhắc lại quy chế y phục thường triều và các ngày quốc kỵ cho công hầu bá, phò mã, các quan văn.

Mùa hạ năm Canh Thân (1500) có sắc chỉ rằng : kể từ nay khi có việc xây dựng hay sửa chữa phải dự tính trước mọi thứ xem công việc nặng hay nhẹ khẩn cấp hay thư thả mà làm lần.

Tháng 4. Quý Hợi (1503) Lễ bộ Dương Trục Nguyên tâu xin đắp đê bên sông Tô Lịch từ xã Trát Kiều đến Cống Xuyên đê phòng lụt hạn, xin đào từ Yên Phúc đến cừ Thượng Phúc để tưới tiêu.

Tháng hai năm Nhâm Tuất (1502), thi Hội có 5000 người dự thi, lấy đỗ 61 người. Vua ngự ở điện Kính Thiên. Hồng Lô tự truyền loa xướng danh, mọi năm bản vàng vẫn treo ở cửa Đông Hoa đến nay vua sai lễ bộ bưng ra, đánh trống nổi nhạc rước

treo ở cửa nhà Thái Học.

Bảng vàng treo ở nhà Thái Học bắt đầu từ đó.

Tháng 4 Nhâm Tuất (1502) y theo lời tâu của hình bộ Nguyễn Quang Hiến ghi danh cho các quân ngục tốt ở Ty Ngũ hình để được xuất quân về làm ruộng.

Ngày 17-12 Kỷ Mùi (1499) vua Minh sai Hàn lâm viện Thị Giảng Lương Trừ đem chiếu thư sang phong cho Lê Hiến Tông chức An Nam quốc vương

Tháng 2 Giáp Tý (1504), vua ngự về Tây Kinh, tháng 4 ngự về Lam Sơn, khi xa giá trở về cung bị ốm, tháng 5 ngày 23 vua vì ham nữ sắc, bị bệnh nặng khi sắp băng di mệnh cho hoàng tử tên Thuần nối ngôi

Thuần là con thứ 3 trong 6 con trai của Hiến Tông

Hoàng tử Thuần lên ngôi hiệu Túc Tông, niên hiệu Thái Trinh lấy ngày sinh làm lễ Thiên Ninh Khánh Tiết.

LÊ TÚC TÔNG (1504-1505)

Tên húy là Thuần lại húy là Thuần, con thứ ba của Hiến Tông, ở ngôi chưa đầy 1 năm, thọ 17 tuổi thì băng, táng ở Kinh Lăng. Vua dốc chí hiếu học, thân người hiền, vui việc thiện, không may mất sớm, tiếc thay !

Đại xá thiên hạ, thả tù nhân, thả cung nữ, rã đe thế lực họ ngoại...

Đẹp tan nhóm phản loạn Đòan thế Nùng ở Cao bằng

Tháng 12 vua ốm nặng, rồi băng ở điện Hoàng Cực

Làm vua được 6 tháng, truyền ngôi cho anh là hoàng tử Tuấn là con thứ hai của Hiến Tông

Ngày 18 tháng 12, Giáp Tý (1504) tất cả đại thần, quan lại, thân vương vâng theo chiếu chỉ đến điện Hưng Minh rước hoàng tử Tuấn - húy Huyền, lên ngôi hoàng đế,

Hoàng tử Tuấn lên ngôi gọi là Uy Mục Đế.

LÊ UY MỤC (1505-1509)

Tên húy là Tuấn lại húy là Huyền, con thứ hai của Hiến Tông, anh thứ của Túc Tông, ở ngôi 5 năm thọ 22 tuổi, bị Giản Tu công Đinh đuổi đi, rồi sau bị hại, chôn ở An Lăng. Vua nghiện rượu, hiếu sát hoang dâm, thích ra oai, tàn hại người tông thất, giết ngầm tổ mẫu, họ ngoại hoành hành, trăm họ oán giận, người bấy giờ gọi là Quỷ Vương, điềm loạn đã xuất hiện từ đấy.

Mẹ của vua là Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn Thị Cận, lúc bé mồ côi cha, nhà nghèo tự bán mình cho người phủ Phụng Thiên, sau nhà ấy có tội, Nguyễn Thị bị tịch thu sang làm nô tỳ do đó được vào hầu Trường Lạc Hoàng hậu, vợ vua

Thánh tông. Khi Hiến Tông còn là thái tử thấy có sức đẹp thì ưa, lấy vào làm phi sinh ra Uy Mục Đế - nhưng mất sớm.

Trường Lạc hoàng hậu cho rằng Uy Mục là con người tỳ thiếp, không thể nối được nghiệp đế khăng khăng đòi lập người khác.

Bấy giờ Nhữ Vi đóng các cửa thành lại và lập Uy Mục lên ngôi.

Tổ mẫu có ý không vui.

Sau Uy Mục liền sai quan hầu cận ngầm giết chết bà nội của mình là Trường Lạc hoàng hậu rồi nghỉ chầu 7 ngày.

Năm Bính Dần (1506) tháng 12 thi các quân sắc và nhân dân ở sân điện Giảng võ có 30000 người dự thi lấy đỗ 1519 người, Nguyễn Tử Kỳ đỗ đầu

Hứa Thiên Tích (1507) là sứ nhà Minh gặp vua có thơ rằng

An Nam tứ bách vận vu trường

Thiên ý như hà giáng quý vương

(Nghĩa là vận nước An Nam bốn trăm năm rất dài không biết lòng trời như thế nào lại giáng sinh ông vua quý sứ)

Năm 1508, lấy Mạc Đăng Dung làm Thiên vũ vệ, Đặng Dung là người xã Cao huyện Bình Hà, tiên tổ Đặng Dung là Mạc Đĩnh Chi trạng nguyên triều Trần, làm quan Tả bộc xạ gần đến đời Đặng Dung chuyển đến ở xã Cổ Trai. Đặng Dung có sức khoẻ võ cừ, được sung vào quan túc vệ.

Mùa đông người nước Hắc La La xâm nhập cửa ải Chu Thôn Điền (Hưng Hóa) vua sai Trần Thúc Mại đánh dẹp

Năm Kỷ Ty (1509), từ khi lên ngôi, vua đêm nào cũng cùng cung nhân huyện vui đùa uống rượu vô độ, khi rượu say liền giết cả cung nhân.

Bấy giờ uy quyền thuộc về họ ngoại chuyên cậy quyền thế vùi dập các quan. Kẻ thì vì ý riêng giết hại sinh dân, kẻ thì dùng ngón kín và yêu sách tiền của...

Mùa thu tháng 8. Năm Kỷ Ty (1509), xuống chiếu giết những người Chiêm hiện đang bị giam giữ và giết chết các nữ sử nội thần người Chiêm.

Xua đuổi tôn thất và công thần về Thanh Hóa. Ngâm sai nội nhân Nguyễn Đình Khoa đi dò xem tất cả 26 vương là các chú, và anh em của vua

Giản tu Công Dĩnh là con chú bác, bị giam vào ngục sau thoát ra trốn về Tây Đô, sau cùng với Nguyễn Văn Lang là con trai của Nguyễn Đức Trung. (Trung là cha của Trường Lạc hoàng hậu, vợ vua Lê Thánh Tông).khởi binh

Tháng 11.1509, Giản Tu Công từ Tây Kinh tiến đánh vào Thăng Long, ngày 28 Uy Mục thua chạy đến phường Nhật Chiêu, bị bắt và bức tử.

Giản Tu Công giận Uy Mục vì đã giết cha mẹ, anh chị em, con rể mình lên lấy xác Uy Mục bỏ vào miệng súng thần công cho nổ tan hết hài cốt -

Giản Tu Công lên ngôi là Tương Dực đế niên hiệu Hồng Thuận (1509) xét bàn luận công, tội, ban phát tước hàm cho các người ứng nghĩa.